

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HS-ST

Ngày 19/6/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bế Ngọc Hùng và bà La Thị Huệ.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Quế, Kiểm sát viên.

Ngày 19/6/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2023/TLST-HS ngày 20/3/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HS ngày 05/5/2023 đối với bị cáo:

Hoàng Thị Thanh L (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 18/9/1984 tại huyện NS, tỉnh BK; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn ĐG, xã VT, huyện NS, tỉnh BK; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Đức T và bà Dương Thị L; Chồng là ông Cương Xuân D, có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Cương Xuân D, sinh năm 1983, trú tại: Thôn ĐG, xã VT, huyện NS, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

2. Bà Lâm Thị H, sinh năm 1983, trú tại: Thôn PD, xã ĐV, huyện NS, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

3. Bà Vy Thị Ph, sinh năm 1987, trú tại: Tổ dân phố NP, thị trấn NP, huyện NS, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

4. Ông Hoàng Văn Tr, sinh năm 1988, trú tại: Thôn BQ, xã HL, huyện NS, tỉnh BK. Có mặt tại phiên tòa;

5. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1973, trú tại: Thôn NM, xã TM, huyện NS, tỉnh BK. Có mặt tại phiên tòa;

6. Ông Vương Văn T, sinh năm 1985, trú tại: Tiểu khu 3, thị trấn NP, huyện NS, tỉnh BK. Có mặt tại phiên tòa;

7. Ông Chu Vũ H, sinh năm 1992, trú tại: Khu 1, xã VT, huyện NS, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

8. Ông Chu Vũ Nh, sinh năm 1987, trú tại: Thôn BL, xã HL, huyện NS, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hộ kinh doanh Hoàng Thị Thanh L, địa chỉ tại: thôn ĐG, xã VT, huyện NS, tỉnh BK được Phòng tài chính - Kế hoạch huyện NS cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 13C80001277; mã số thuế: 8351934035; đăng ký lần đầu ngày 12/12/2017. Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ vận tải, bán xi măng, cát, đá, sỏi, tấm lợp, bán vật liệu xây dựng khác; Sản xuất gạch xi măng; Bán hàng tạp hóa; Khai thác gỗ; Cửa, xẻ và bảo quản gỗ; Sản xuất gỗ bóc, gỗ xẻ; Bán gỗ đã qua chế biến, bán gỗ bóc, gỗ xẻ; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn các kim loại khác: Bán nhôm, kính; Gia công cơ khí; Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán thiết bị điện, nước, bán nhựa đường... Người đại diện theo pháp luật là Hoàng Thị Thanh L, sinh năm 1984, trú tại: thôn ĐG, xã VT, huyện NS. L là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng hoá, cũng như con dấu và hoá đơn của Hộ kinh doanh. Cương Xuân D, sinh năm 1983, trú tại thôn ĐG, xã VT, huyện NS là chồng của L, phụ giúp cho L trong việc giao, nhận hoá đơn và hàng hoá về vật liệu xây dựng.

Quá trình điều tra đối với Hoàng Thị Thanh L xác định: Từ năm 2018 đến năm 2020 L đã bán trái phép 27 số hoá đơn bán hàng, gồm hàng tạp hóa và vật liệu xây dựng, đã ghi nội dung cho các đơn vị, cá nhân trên địa bàn huyện NS. Tổng số tiền trên hóa đơn là 2.320.662.157 đồng. Tổng số tiền bán hoá đơn thu được là: 28.311.080 đồng. Cụ thể như sau:

1. Bán cho Lâm Thị H, sinh năm 1983, trú tại thôn PD, xã ĐV, huyện NS, Giáo viên Trường Mầm Non TQ, huyện NS 02 tờ hoá đơn bán hàng gồm: Số 0092237 ngày 27/5/2019, số tiền: 3.780.000 đồng và Số: 0092239 ngày 27/5/2019 số tiền: 220.000 đồng. Ban quản lý Childfund huyện NS trả tiền 4.000.000 đồng vào tài khoản, L rút tiền mặt và giữ số tiền bán hoá đơn 5% là: 200.000 đồng, số tiền còn lại là: 3.800.000 đồng L trả lại cho H;

2. Bán cho Vy Thị Ph, sinh năm 1987, trú tại Tổ dân phố NP, thị trấn NP, huyện NS Cán bộ y tế học đường Trường Mầm Non TM 02 tờ hoá đơn gồm: Số 0092222 ngày 25/12/2018, hàng hoá: Cát, Sỏi 1x2, Xi măng La Hiên, công thợ, số tiền: 5.160.000 đồng. Sau khi nhận được tiền thanh toán L đã chuyển trả lại số tiền 4.850.000 đồng vào số tài khoản 8604215004051 của Ph, L giữ lại 5% số tiền mua hoá đơn là: 258.000 đồng; Số 0092238 ngày 27/5/2019, mua bánh kẹo,

sữa, số tiền: 4.000.000 đồng, Ph trả trực tiếp cho L 200.000đ tương ứng với 5% tiền hóa đơn;

3. Bán cho Hoàng Văn Tr, sinh năm 1988, trú tại thôn BQ, xã HL, huyện NS Kế toán công đoàn Trường Mầm Non TQ 06 tờ hoá đơn bán hàng gồm: Số 0092243, ngày 20/11/2017, mua bánh quy cosy sữa, số tiền: 3.640.000 đồng; Số 0092244, ngày 08/3/2018, mua khăn mặt, số tiền: 980.000 đồng; Số 0092245, ngày 01/6/2018, mua bánh bông lan, số tiền: 980.000 đồng; Số 0092246, ngày 20/11/2018, mua áo giữ nhiệt, số tiền: 4.640.000 đồng; Số 0092247, ngày 08/3/2019, mua nón, số tiền: 1.064.000 đồng; Số 0092248, ngày 01/6/2019, mua kẹo yến mạch, số tiền: 1.064.000 đồng. Tổng số tiền của 06 tờ hoá đơn là: 12.368.000 đ (Mười hai triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng), số tiền bán hoá đơn là: 618.400 đồng, Tr trả bằng tiền mặt cho Hoàng Thị Thanh L;

4. Bán cho Hoàng Thị N, sinh năm 1973, trú tại thôn NM, xã TM, huyện NS Hiệu trưởng Trường Mầm Non TQ 06 tờ hoá đơn bán hàng gồm: Số 0092231, ngày 20/3/2019, mua phong rèm cửa lớp học, số tiền: 12.706.400 đồng; Số 0092232, ngày 20/3/2019, mua vải dùng làm khăn trải bàn, số tiền: 1.408.000 đồng; Số 0092233, ngày 22/3/2019, mua phong rèm phòng hội đồng, sao vàng, búa liềm, số tiền: 4.416.000 đồng; Số 0087552, ngày 21/11/2019, mua phong sân khấu số tiền: 5.540.000 đồng; Số 0087563 ngày 18/9/2019, mua phong rèm sân khấu, số tiền: 6.156.000 đồng; Số 0015611, ngày 31/12/2020, mua vải rèm và thanh đỡ rèm, số tiền: 15.422.600 đồng. Tổng số tiền của 06 tờ hoá đơn là 45.649.000 đồng (Bốn mươi năm triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng), số tiền bán hoá đơn là 3.159.430 đồng. N mua hóa đơn rồi cho các cá nhân, đơn vị mua hàng ký làm chứng từ thanh toán và chuyển tiền vào số tài khoản của Hộ kinh doanh Hoàng Thị Thanh L, L đi rút tiền và giữ lại số tiền bán hoá đơn là: 3.159.430 đồng, số tiền còn lại là: 42.489.570 đồng L trả lại cho N bằng tiền mặt;

5. Bán cho Trường Mầm Non TQ 02 tờ hoá đơn hàng hóa: Năm 2018 Trường Mầm Non TQ thuê ông Chu Văn Ch, trú tại: Thôn KC, xã TM, huyện NS để thi công sửa nhà vệ sinh của trường, nhưng ông Ch không có hoá đơn, chứng từ để thanh toán khoản kinh phí sửa chữa này. Hoàng Thị N đã thoả thuận với Hoàng Thị Thanh L mua hoá đơn số 0092224, ngày 27/12/2018, số tiền: 12.275.000 đồng. Năm 2019 Trường Mầm Non TQ thuê ông Lương Văn Th, sinh năm 1992, trú tại thôn ĐG, xã VT, huyện NS lắp thiết bị nóng lạnh để phục vụ bán trú, do ông Th không có hoá đơn, chứng từ, nên bà N đã mua với L hoá đơn bán hàng số: 0087565, ngày 02/12/2019, số tiền: 5.150.000 đồng. Tổng số tiền 02 tờ hoá đơn là: 17.425.000 đồng, tiền bán hoá đơn là: 871.250 đồng, bằng 5% tổng số tiền ghi trên hoá đơn;

6. Bán cho Vương Văn T, sinh năm 1985, trú tại Tiểu Khu 3, thị trấn NP, huyện NS Cán bộ địa chính, xây dựng xã HN (nay là xã HL) 01 tờ hoá đơn: số 0092215 ngày 25/10/2018, mua vật liệu xây dựng công trình sân + tường bao phân trường Mầm Non NN, xã HN, huyện NS. Số tiền: 188.056.930 đồng, tiền bán hoá đơn là: 4.000.000 đồng;

7. Bán cho Chu Vũ H, sinh năm 1992, trú tại Khu I, xã VT, huyện NS Kế toán UBND xã BV (nay công tác tại UBND xã TQ) 06 tờ hoá đơn làm chứng từ thanh quyết toán kinh phí công trình nhà văn hóa thuộc Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới (MTQG XDNTM) năm 2019, 2020 tại các thôn: Khu AB, CL, KS, KP, NN, LS, KN, xã BV, gồm: Số 0087557, ngày 25/11/2019, số tiền: 204.447.499 đồng; Số 0087558, ngày 26/11/2019, số tiền: 204.326.350 đồng; Số 0087559, ngày 27/11/2019, số tiền: 174.796.402 đồng; Số 0087597, ngày 08/11/2019, số tiền: 200.575.102 đồng; Số 0087598, ngày 08/11/2019, số tiền 204.018.298 đồng; Số 0087599, ngày 08/11/2019, số tiền 203.947.030 đồng. Tổng số tiền của 06 tờ hoá đơn là: 1.192.110.681đ (Một tỷ, một trăm chín mươi hai triệu, một trăm mười nghìn, sáu trăm tám mươi một đồng). Sau khi nhận được hoá đơn H đưa cho các trưởng thôn của 06 công trình trên ký và làm thủ tục thanh quyết toán kinh phí, các trưởng thôn nhận tiền để trả tiền mua vật liệu và đưa tiền mua hoá đơn cho ông Cương Xuân D mỗi hoá đơn là: 1.500.000 đồng, tổng 06 hoá đơn là 9.000.000 đồng. Khi đưa tiền thì không nói cho D biết là tiền gì và không ký sổ sách giấy tờ;

8. Bán cho ông Chu Vũ N, sinh năm 1987, trú tại thôn BL, xã HL, huyện NS, tỉnh BK 02 tờ hoá đơn, cụ thể: Năm 2020 ông Chu Vũ N thi công các công trình thuộc Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới xã BV, có mua vật liệu xây dựng để thi công, nhưng một phần không lấy được hoá đơn, N mua hóa đơn với L đối với số vật liệu xây dựng không có hoá đơn, chứng từ, gồm: Số 0087583, ngày 30/6/2020, mua cát, cát vàng, đá thép tròn, Xi măng PC 30, số tiền: 84.904.047 đồng; Số 0087591, ngày 30/6/2020, mua đá dăm, đá cấp phối, Cát vàng, Gõ đà chéo, Gõ là khe co giãn, Nhựa đường, Xi măng PC 30, số tiền: 767.168.499 đồng, trong đó số vật liệu L không cung cấp, viết thêm vào hoá đơn là: đá cấp phối đá dăm là 181.354.919 đồng, gỗ đà chống là 3.722.969 đồng, gỗ làm khe co giãn là 14.672.876 đồng, gỗ ván là 5.255.956 đồng, tổng số tiền là: 205.006.720 đồng. Tổng số tiền 02 tờ hoá đơn là: 852.072.546 đồng, L thu tiền hoá đơn với mức 5% đối với giá trị hàng hoá viết thêm trên hoá đơn. Tổng số tiền là: 10.000.000 đ (mười triệu đồng). Sau khi thanh quyết toán, N đưa tiền mua hoá đơn cho ông Cương Xuân D, khi đưa không nói là tiền gì, không ký sổ sách giấy tờ.

Tổng số tiền Hoàng Thị Thanh L viết không ghi trên 27 hóa đơn bán hàng tạp hóa, vật liệu xây dựng là: 2.320.662.157 đồng (Hai tỷ, ba trăm hai mươi triệu, sáu trăm sáu mươi hai nghìn, một trăm năm mươi bảy đồng), số tiền bán hoá đơn L thu được là: 28.311.080 đồng (Hai mươi tám triệu, ba trăm mười một nghìn, không trăm tám mươi đồng).

Tại văn bản số 651/CCTKV-NVQLT ngày 14/11/2022 của Chi cục Thuế khu vực BB - NS – PN, trả lời về việc xác định số thuế phải nộp Ngân sách nhà nước đối với 27 số hóa đơn của Hộ kinh doanh Hoàng Thị Thanh L, cụ thể: Tổng số tiền Hộ kinh doanh L thu được từ việc bán trái phép 27 hoá đơn nêu trên là: 28.311.080 đồng. Tổng số tiền thuế Hộ kinh doanh L phải nộp với 27 hoá đơn bán trái phép là: 27.305.096 đồng. Số tiền thuế đã nộp là: 27.060.296

đồng. Số tiền còn phải nộp 244.800 đồng. Đối chiếu với số tiền bán hoá đơn Lan thu được, thì số tiền thu lợi bất chính là: 1.250.784 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn bảy trăm tám mươi tư đồng).

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trên 27 số hóa đơn Hoàng Thị Thanh L bán trái phép. Tại bản kết luận giám định số 81/KL-KTHS ngày 07/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn, kết luận: Chữ ký dưới mục người bán hàng trên các hóa đơn bán hàng liên 1 cần giám định (ký hiệu A1,... A9); liên 2 (ký hiệu A15,A16, A18) với chữ ký của Hoàng Thị Thanh L trên biên bản ghi lời khai ... là do cùng một người ký, viết ra. Chữ ký dưới mục người bán hàng trên các hóa đơn bán hàng liên 2 mẫu cần giám định (ký hiệu A10, A11, A12, A13, A14 và A17) với chữ ký của Hoàng Thị Thanh L trên biên bản ghi lời khai ... không phải là do cùng một người ký ra. Tại bản kết luận giám định số 82/KL-KTHS ngày 07/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn, kết luận: Chữ ký dưới mục người bán hàng trên các hóa đơn bán hàng liên 1 cần giám định (ký hiệu A37,..., A45); liên 2 (ký hiệu A46, A47 và A48... A50) với chữ ký của Hoàng Thị Thanh L trên biên bản ghi lời khai ... là do cùng một người ký ra. Chữ ký dưới mục người bán hàng trên các hóa đơn bán hàng liên 2 mẫu cần giám định (ký hiệu A51) với chữ ký của Hoàng Thị Thanh L trên biên bản ghi lời khai ... không phải là do cùng một người ký ra. Tại bản kết luận giám định số 84/KL-KTHS ngày 07/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn, kết luận: Chữ ký dưới mục người bán hàng trên các hóa đơn bán hàng liên 1 cần giám định (ký hiệu A19,..., A27) với chữ ký của Hoàng Thị Thanh L trên biên bản hỏi cung bị can ... là do cùng một người ký ra. Chữ ký dưới mục người bán hàng trên các hóa đơn bán hàng liên 2 mẫu cần giám định (ký hiệu A28, ... A36) với chữ ký của Hoàng Thị Thanh L trên biên bản hỏi cung bị can ... là do cùng một người ký ra. Tại bản kết luận giám định số 81/KL-KTHS ngày 07/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn, có kết luận đối với 07 mẫu giám định không cùng một người ký viết ra. Tuy nhiên, căn cứ kết quả xác minh thuế, lời khai của Hoàng Văn Tr, Hoàng Thị N đều xác nhận trực tiếp trao đổi mua hóa đơn với L và lời khai của L khẳng định mình là người trực tiếp ký, xuất, bán 07 (liên 2) hóa đơn nêu trên trong 27 hóa đơn L bán trái phép mà cơ quan điều tra đang tạm giữ, ngoài ra không cho ai khác ký. Do đó có đủ cơ sở xác định L phải chịu trách nhiệm đối với hành vi bán trái phép đối với 27 hóa đơn như quá trình điều tra đã xác định.

Trong vụ án thời gian từ 2018 đến năm 2020 Hoàng Thị Thanh L bán trái phép 27 (Hai mươi bảy) số hóa đơn đã ghi nội dung, thu lợi bất chính số tiền 1.250.784 đồng. Qua điều tra xác định hành vi của Lan không cấu thành tình tiết có tính chất chuyên nghiệp.

Tại Bản cáo trạng số 17/CT-VKSBK-P1 ngày 18/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Hoàng Thị Thanh L về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật hình sự (BLHS), điều luật có nội dung:

“ 1. Người nào in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước ở dạng phôi từ 50 số đến dưới 100 số hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số hoặc thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm ...”.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều khoản như đã viện dẫn ở trên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xử phạt bị cáo hình phạt chính là phạt tiền, mức phạt từ 60 triệu đến 80 triệu đồng. Xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo tại phiên tòa đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh, điều luật là đúng, không oan, bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định:

Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2020, lợi dụng việc bản thân được cấp phép hoạt động hộ kinh doanh, Hoàng Thị Thanh L đã có hành vi bán trái phép 27 số hóa đơn đã ghi nội dung cho các cá nhân, đơn vị trên địa bàn huyện NS. Cụ thể: Bán trái phép 27 số hóa đơn với tổng số tiền ghi trên hóa đơn 2.320.662.157đ (Hai tỷ, ba trăm hai mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi hai nghìn, một trăm năm mươi bảy đồng). Thu tiền bán hóa đơn với mức 5% trên mỗi hóa đơn, tương ứng với số tiền là: 28.311.080đ (Hai mươi tám triệu, ba trăm mười một nghìn, không trăm tám mươi đồng). Sau khi nộp tiền thuế phát sinh trên hóa

đơn, L thu lợi bất chính số tiền là: 1.250.784đ (Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn, bảy trăm tám mươi bốn nghìn đồng), trong đó số tiền thuế còn phải nộp là 244.800đ (Hai trăm bốn mươi bốn nghìn, tám trăm đồng).

Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 203 BLHS. Việc Cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý hóa đơn, chứng từ của Nhà nước, xâm phạm đến hoạt động quản lý thu, chi ngân sách Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến trật tự quản lý kinh tế và an ninh tại địa phương. Do đó, cần thiết phải có một hình phạt tương xứng nhằm giáo dục, răn đe bị cáo.

[3] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Hoàng Thị Thanh L có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Được hưởng các tình tiết giảm nhẹ “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”. Quá trình chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 4.000.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để khắc phục hậu quả, nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính; bị cáo có bố chồng là ông Cương Xuân L là thương binh hạng 4/4, được tặng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng Ba. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s và i khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS được xem xét áp dụng cho bị cáo.

Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền thu lợi bất chính không lớn, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi tội phạm xảy ra, bị cáo đã có ý thức khắc phục hậu quả bằng cách nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính cho Nhà nước. Hiện nay, chính sách pháp luật liên quan đến các tội phạm về kinh tế có xu hướng tăng cường phạt tiền, để nhằm thu lại khoản tiền người phạm tội đã gây thất thoát cho Nhà nước. Đối chiếu với hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng là đảm bảo, răn đe và tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng:

Đối với 03 quyển hóa đơn; 27 tờ hóa đơn bán hàng liên 2 và Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, là các tài liệu chứng minh tội phạm nên cần lưu theo hồ sơ vụ án.

Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 1.250.784 đồng để sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền 4.000.000 đồng chồng bị cáo đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[6] Đối với Cương Xuân D, sinh năm 1983, chồng của Hoàng Thị Thanh L. Quá trình điều tra xác định: Trong quá trình hoạt động kinh doanh D phụ giúp L theo dõi, bán hàng là vật liệu xây dựng, được L nhờ giao 09 tờ hoá đơn đã ghi

nội dung cho người mua và nhận tiền chuyển cho L, nhưng D không biết 09 tờ hoá đơn L nhờ giao cho người mua là không có hàng hoá hay chỉ có một phần và số tiền L nhờ nhận hộ, D không biết là tiền bán hoá đơn trái phép. Do đó, hành vi của D không đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” quy định tại Điều 203 BLHS, không đồng phạm cùng L. Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với D là đúng quy định.

Đối với Lâm Thị H mua 02 hóa đơn; Vi Thị Ph mua 02 hóa đơn; Hoàng Văn Tr mua 06 hóa đơn; Hoàng Thị N mua 06 hóa đơn; Nguyễn Thị H mua 02 hóa đơn; Vương Văn T mua 01 hóa đơn; Chu Vũ H mua 06 hóa đơn; Chu Vũ Nh mua 02 hóa đơn. Quá trình điều tra xác định: Từ năm 2018 đến 2020 H, Ph, Tr, N, H, T, H, N có hành vi mua hóa đơn trái phép với Hoàng Thị Thanh L là vi phạm quy định của pháp luật, nhưng đều dưới mức định lượng nên không đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” quy định tại Điều 203 BLHS. Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự, nhưng đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức là đúng quy định.

Đối với Hoàng Thị Á, Bé Thị D, Đinh Thị Ng, Nông Thị Q, Đàm Thị H, Đinh Thị H, Bé Thị Th, Hoàng Văn Th, Hoàng Văn Ph, Chu Văn L, Nông Văn A, Đỗ Xuân S, Bàn Văn S, Đặng Văn Ph, Lý Quốc Đ và Lục Văn S. Quá trình điều tra xác định những người được ký hóa đơn mua hàng đã lập sẵn nhưng không biết nội dung ghi và không được hưởng lợi. Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là đúng quy định.

Đối với Chủ đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của xã BV, Trường Mầm Non TQ, UBND xã TQ, Trường Mầm Non CD, Trường Mầm Non TM và Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS TM, quá trình điều tra xác định: Các công trình rút dự toán của các đơn vị này là thực tế, nhưng khi ký duyệt quyết toán không kiểm tra kỹ, nên không phát hiện hóa đơn sử dụng để quyết toán là mua trái phép và không có việc chiếm đoạt, không sử dụng sai mục đích. Cơ quan điều tra đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấn chỉnh các hoạt động trong công tác thanh quyết toán ngân sách Nhà nước và không xem xét xử lý đối với các đơn vị này là đúng quy định.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị Thanh L phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm s và i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 BLHS. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Thanh L số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

2.1 Lưu theo hồ sơ vụ án, gồm:

- Quyền 1: Mẫu số: 02GTTT3/003; Ký hiệu: 47AA/17P; Quyền số: 001845, năm 2017; Từ số 0092201 đến số 0092250; Sử dụng 44 tờ, hồng 06 tờ;

- Quyền 2: Mẫu số: 02GTTT3/003; Ký hiệu: 47AA/18P; Quyền số: 001752; Năm 2018; Từ số 0087551 đến số 0087600, Sử dụng 39 tờ, hồng 11 tờ;

- Quyền 3: Mẫu số: 02GTTT3/004; Ký hiệu: 47AA/20P; Quyền số: 0000313; Năm 2020; Từ số 0015601 đến số 0015650; Sử dụng 13 tờ, hồng 37 tờ;

- 27 tờ hóa đơn bán hàng liên 2 gồm: Hoá đơn số: 0092222, ngày 25/12/2018; số: 0092224, ngày 27/12/2018; số: 0092231, ngày 20/3/2019; số: 009232, ngày 20/3/2019; số: 0092233, ngày 22/3/2019; số: 009237 ngày 27/5/2019; số: 0092238, ngày 27/5/2019; số: 0092239, ngày 27/5/2019; số: 0092243, ngày 20/11/2017; số: 0092244, ngày 08/3/2018; số: 0092245, ngày 01/6/2018; số: 0092246, ngày 20/11/2018; số: 0092247, ngày 08/3/2019; số: 0092248, ngày 01/6/2019; số: 0087552, ngày 21/11/2019; số: 0087563 ngày 18/9/2019; số: 0087565, ngày 25/12/2019; số: 0015611, ngày 28/12/2020; số: 0092215, ngày 25/10/2018; số: 0087557, ngày 25/11/2019; số: 0087558, ngày 26/11/2019; số: 0087559, ngày 27/11/2019; số: 0087597, ngày 08/11/2019; số: 0087598, ngày 08/11/2019; số: 0087599, ngày 08/11/2019; số: 0087583, ngày 30/6/2020; số: 0087591, ngày 30/6/2020 của Hộ kinh doanh Hoàng Thị Thanh L, địa chỉ: thôn ĐG, xã VT, huyện NS, tỉnh BK cùng tài liệu kèm theo;

- Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

2.2 Buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 1.250.784đ (Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn, bảy trăm tám mươi tư đồng) để sung quỹ Nhà nước.

2.3 Tạm giữ số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) ông Cương Xuân D đã nộp theo biên lai thu tiền số 000145 ngày 10/3/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Hoàng Thị Thanh L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được Bản án sao hoặc niêm yết Bản án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Phòng Cảnh sát kinh tế CA tỉnh;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Thi hành án hình sự;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Khánh Phương